



Diễn ngôn “Phật giáo vì quốc gia” và những giới hạn của đa nguyên tôn giáo ở Thái Lan

The Discourse of “Buddhism for Nation” and the Limits of Religious Pluralism in Thailand

Phạm Thị Nghĩa^a, Phạm Quốc Trung^{b*}
Phạm Thị Nghĩa^a, Phạm Quốc Trung^{b*}

^aTrung tâm Giáo dục Thường xuyên số 3, thành phố Đà Nẵng

^aContinuing Education Center No. 3, Da Nang city

^bKhoa Lịch sử, Đại học Sư phạm, Đại học Huế

^bFaculty of History, University of Education, Hue University

(Ngày nhận bài: 14/1/2026, ngày phản biện xong: 04/8/2026, ngày chấp nhận đăng: 18/8/2026)

Tóm tắt

Diễn ngôn “Phật giáo vì quốc gia” giữ vai trò trung tâm trong việc kiến tạo bản sắc quốc gia và định hình trật tự quản trị xã hội ở Thái Lan. Trên cơ sở tiếp cận liên ngành giữa chính trị học tôn giáo và phân tích diễn ngôn, bài viết làm rõ tiến trình hình thành, thể chế hóa và vận hành của diễn ngôn Phật giáo – quốc gia trong mối quan hệ đan xen giữa nhà nước, hoàng gia và tng đoàn. Mặc dù khuôn khổ hiến định thừa nhận tự do tín ngưỡng, diễn ngôn này đã thiết lập Phật giáo như một chuẩn mực tôn giáo mặc định, qua đó thu hẹp không gian đa nguyên trong thực tiễn xã hội. Các hệ quả chính trị – xã hội bộc lộ rõ trong cách định vị các cộng đồng tôn giáo thiểu số cũng như trong xử lý các vấn đề bản sắc, an ninh và ổn định xã hội. Từ đó, bài viết góp phần lý giải nghịch lý giữa khoan dung tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc tôn giáo trong bối cảnh Thái Lan đương đại.

Từ khoá: Phật giáo – quốc gia, diễn ngôn quyền lực, đa nguyên tôn giáo, quản trị tôn giáo, Thái Lan

Abstract

The discourse of “Buddhism for Nation” plays a central role in shaping national identity and the social governance order in Thailand. Combining an interdisciplinary approach that intergrates religious political science and discourse analysis, this paper clarifies the formation, institutionalization, and operation of the Buddhist-state discourse within the intertwined relationship between the state, the monarchy, and the sangha. Although the constitutional framework recognizes freedom of religion, this discourse has established Buddhism as a default religious norm, thereby narrowing the space for pluralism in social practice. The socio-political consequences are evident in the positioning of minority religious communities as well as in the handling of issues of identity, security, and social stability. Accordingly, the paper contributes to explaining the paradox between religious tolerance and religious nationalism in the context of contemporary Thailand.

Keywords: Buddhism–nation, power discourse, religious pluralism, religious governance, Thailand

*Tác giả liên hệ: Phạm Quốc Trung

Email: pqtrung@dhsphue.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình xây dựng và củng cố nhà nước dân tộc hiện đại, tôn giáo thường không chỉ giữ vai trò tinh thần hay đạo đức mà còn trở thành một nguồn lực biểu tượng quan trọng trong việc kiến tạo bản sắc quốc gia và duy trì trật tự xã hội. Ở Đông Nam Á, Phật giáo được nhiều quốc gia xem là nền tảng văn hóa - đạo đức cốt lõi, song mức độ và cách thức gắn kết giữa Phật giáo và nhà nước lại có những khác biệt đáng kể. Trường hợp Thái Lan nổi lên như một mô hình đặc thù, nơi Phật giáo Theravāda được lồng ghép sâu sắc vào cấu trúc quyền lực chính trị và diễn ngôn quốc gia, dù trên phương diện pháp lý, nhà nước vẫn khẳng định nguyên tắc tự do tín ngưỡng và khoan dung tôn giáo.

Trong bối cảnh đó, diễn ngôn thường được khái quát bằng cụm từ “Phật giáo vì quốc gia” đã trở thành một trụ cột tư tưởng quan trọng, góp phần định hình mối quan hệ giữa nhà nước, hoàng gia và tầng đoàn, đồng thời ảnh hưởng sâu rộng đến cách thức quản trị xã hội. Diễn ngôn này không chỉ nhấn mạnh vai trò bảo hộ đạo đức và tinh thần của Phật giáo đối với quốc gia, mà còn hàm chứa những chuẩn mực ngầm định về bản sắc Thái, lòng trung thành chính trị và trật tự xã hội. Thông qua các thiết chế pháp lý, giáo dục và truyền thông, “Phật giáo vì quốc gia”¹ được tái sản xuất liên tục như một khung tham chiếu chuẩn tắc trong đời sống công cộng.

Tuy nhiên, sự nổi trội của diễn ngôn Phật giáo - quốc gia cũng đặt ra những câu hỏi học thuật quan trọng liên quan đến tính chất và giới hạn của đa nguyên tôn giáo ở Thái Lan. Mặc dù hiến pháp và các văn bản pháp luật khẳng định quyền

tự do tín ngưỡng, Phật giáo trên thực tế thường được định vị như một chuẩn mực tôn giáo mặc định, trong khi các tôn giáo khác, đặc biệt là Hồi giáo và Kitô giáo, chủ yếu tồn tại ở vị trí ngoại vi. Khoảng cách giữa cam kết pháp lý và thực hành xã hội này không chỉ phản ánh bất đối xứng quyền lực tôn giáo, mà còn tác động trực tiếp đến các vấn đề bản sắc, hội nhập xã hội và an ninh nội địa.

Thực tiễn ở miền Nam Thái Lan, nơi tập trung cộng đồng Hồi giáo Malay, cho thấy rõ những phát sinh² khi diễn ngôn Phật giáo - quốc gia được vận dụng trong quản trị và bảo đảm trật tự xã hội. Trong những bối cảnh như vậy, ranh giới giữa bảo vệ bản sắc quốc gia và thu hẹp không gian đa nguyên tôn giáo trở nên mờ nhạt, làm suy yếu niềm tin xã hội. Những diễn biến này cho thấy nhu cầu cần xem xét lại vai trò của diễn ngôn tôn giáo trong quản trị hiện đại, không chỉ từ góc độ pháp lý mà còn từ phương diện quyền lực biểu tượng và thực hành xã hội.

Việc phân tích một cách hệ thống diễn ngôn “Phật giáo vì quốc gia” và những hệ quả của nó đối với đa nguyên tôn giáo vì thế mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Cách tiếp cận này không chỉ góp phần làm rõ mối liên hệ, giữa khoan dung tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc tôn giáo ở Thái Lan, mà còn cung cấp cơ sở khoa học so sánh hữu ích cho việc nghiên cứu quan hệ giữa tôn giáo và nhà nước ở các quốc gia Phật giáo khác trong khu vực Đông Nam Á.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được tiếp cận theo hướng liên ngành, kết hợp chính trị học tôn giáo, xã hội học quyền lực và phân tích diễn ngôn nhằm làm rõ sự hình

¹ “Phật giáo vì quốc gia” được sử dụng trong nghiên cứu này như một khái niệm phân tích, được phát triển trên cơ sở các nghiên cứu về mối quan hệ giữa Phật giáo, nhà nước, chủ nghĩa dân tộc và quá trình kiến tạo quốc gia ở Thái Lan. Khái niệm này kế thừa các luận điểm của Tambiah (1976), Reynolds (1978) và Jackson (1989, 2003) về sự gắn kết giữa Phật giáo với vương quyền, nhà nước và bản sắc quốc gia, đồng thời được tác giả khái quát hóa để chỉ quá trình Phật giáo được huy động và thể chế hóa nhằm phục vụ sự thống nhất, ổn định và củng cố tính chính danh của quốc gia.

² Những phát sinh ở đây chủ yếu liên quan đến sự căng thẳng giữa diễn ngôn về bản sắc quốc gia dựa trên Phật giáo với yêu cầu bảo đảm tính đa nguyên và bình đẳng tôn giáo; trong một số trường hợp, điều này có thể làm gia tăng cảm nhận về sự loại trừ hoặc khoảng cách giữa cộng đồng Hồi giáo Malay và nhà nước.

thành và vận hành của diễn ngôn “Phật giáo vì quốc gia” ở Thái Lan. Trọng tâm là phân tích diễn ngôn phê phán đối với các văn bản pháp lý, diễn văn chính trị, phát ngôn của giới tăng sĩ và truyền thông chính thống để nhận diện các khuôn mẫu tư tưởng chi phối đời sống công cộng. Cách tiếp cận lịch sử có thể chế giúp làm rõ mối quan hệ giữa nhà nước, hoàng gia và tăng đoàn, trong khi phương pháp so sánh chọn lọc đặt trường hợp Thái Lan trong bối cảnh các quốc gia Phật giáo Đông Nam Á. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đánh giá những hệ quả chính trị - xã hội của diễn ngôn Phật giáo - quốc gia đối với đa nguyên tôn giáo và quản trị xã hội đương đại.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. *Nền tảng lý luận và sự kiến tạo diễn ngôn Phật giáo - quốc gia*

3.1.1. *Quá trình hình thành và cấu trúc ý nghĩa của diễn ngôn “Phật giáo vì quốc gia”*

Diễn ngôn “Phật giáo vì quốc gia” ở Thái Lan không xuất hiện như một hệ tư tưởng hoàn chỉnh ngay từ đầu, mà được hình thành dần dần thông qua tiến trình lịch sử gắn liền với xây dựng nhà nước, bảo vệ chủ quyền và kiến tạo bản sắc dân tộc. Trong bối cảnh tiền hiện đại, Phật giáo Theravāda chủ yếu giữ vai trò là nền tảng đạo đức và vũ trụ quan cho xã hội, trong đó mối quan hệ giữa vua và tăng đoàn được lý giải bằng mô hình bảo trợ lẫn nhau [15]. Tuy nhiên, bước sang cuối thế kỷ XIX, khi Thái Lan đối mặt với sức ép thực dân và nhu cầu hiện đại hóa, Phật giáo bắt đầu được tái cấu trúc như một nguồn lực chính trị - biểu tượng nhằm củng cố tính thống nhất quốc gia và tính chính danh của nhà nước Trung ương.

Trong giai đoạn này, việc chuẩn hóa giáo lý, tổ chức tăng đoàn và hệ thống giáo dục Phật học

không chỉ nhằm cải cách tôn giáo, mà còn phục vụ mục tiêu xây dựng một bản sắc quốc gia thống nhất. Phật giáo dần được diễn giải như linh hồn của dân tộc Thái, trong khi lòng trung thành với quốc gia và hoàng gia được gắn chặt với việc bảo vệ và duy trì Phật pháp. Quá trình này góp phần chuyển hóa Phật giáo từ một hệ thống tín ngưỡng đa dạng thành một biểu tượng trung tâm của cộng đồng tưởng tượng¹ quốc gia.

Cấu trúc ý nghĩa của diễn ngôn “Phật giáo vì quốc gia” được xây dựng xoay quanh một số trục chuẩn tắc cơ bản. Thứ nhất, Phật giáo được định vị như nền tảng đạo đức tối thượng của xã hội, bảo đảm trật tự, hòa hợp và ổn định. Thứ hai, quốc gia được trình bày như không gian thiêng liêng cần được bảo vệ, trong đó Phật giáo đóng vai trò cốt lõi trong việc duy trì bản sắc và sự liên tục lịch sử. Thứ ba, mối quan hệ giữa Phật giáo và nhà nước được hợp thức hóa như một quan hệ tự nhiên và tất yếu, làm mờ ranh giới giữa đức tin tôn giáo và nghĩa vụ công dân.

Thông qua các thiết chế pháp lý, đặc biệt là Luật Tăng đoàn, diễn ngôn này được thể chế hóa và duy trì một cách tương đối bền vững trong đời sống công cộng. Phật giáo, dù không được tuyên bố chính thức là quốc giáo, vẫn giữ vị thế ưu trội trong hệ thống biểu tượng và thực hành xã hội [10]. Trong cấu trúc đó, các tôn giáo khác được thừa nhận về mặt pháp lý nhưng thường được đặt ở vị trí thứ yếu trong diễn ngôn quốc gia, qua đó hình thành một trật tự tôn giáo mang tính thứ bậc.

Ở giai đoạn đương đại, diễn ngôn “Phật giáo vì quốc gia” tiếp tục được điều chỉnh để thích ứng với những biến động chính trị và xã hội, đặc biệt trong các thời kỳ khủng hoảng tính chính danh. Phật giáo được huy động như nguồn lực biểu tượng nhằm củng cố sự đoàn kết quốc gia và đối phó với các thách thức về bản sắc và an

¹ Khái niệm “cộng đồng tưởng tượng” (imagined community) được sử dụng theo cách tiếp cận của Benedict Anderson, theo đó quốc gia được kiến tạo như một cộng đồng được các thành viên hình dung về sự gắn kết với nhau, dù phần lớn không trực tiếp biết hoặc gặp gỡ nhau. Xem Benedict Anderson, *Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism* (London: Verso, 1983).

ninh. Chính sự linh hoạt này giúp diễn ngôn duy trì sức sống lâu dài, đồng thời cũng làm sâu sắc thêm những giới hạn của đa nguyên tôn giáo trong bối cảnh Thái Lan hiện nay.

3.1.2. *Diễn ngôn tôn giáo như một hình thức quyền lực xã hội*

Trong các nghiên cứu xã hội học và chính trị học đương đại, diễn ngôn không đơn thuần được hiểu là ngôn ngữ hay hệ thống phát biểu trung tính, mà là một hình thức quyền lực có khả năng kiến tạo tri thức, định hình chuẩn mực và điều chỉnh hành vi xã hội. Theo Michel Foucault, quyền lực vận hành không chỉ thông qua cưỡng chế hay bạo lực hữu hình, mà còn thông qua diễn ngôn - nơi xác lập cái gì được coi là chân lý, hợp pháp và chính đáng trong một trật tự xã hội nhất định [5]. Trong bối cảnh đó, tôn giáo, với tư cách là một hệ thống biểu tượng mang tính thiêng liêng, trở thành một nguồn diễn ngôn đặc biệt có khả năng hợp thức hóa quyền lực và củng cố trật tự xã hội một cách bền vững.

Diễn ngôn tôn giáo sở hữu sức mạnh xã hội không chỉ bởi nội dung giáo lý, mà còn bởi vị thế đạo đức và tính siêu việt mà nó gắn kết. Peter Berger cho rằng tôn giáo đóng vai trò “vũ trụ hóa trật tự xã hội”, khiến các cấu trúc quyền lực và chuẩn mực xã hội được cảm nhận như những thực tại tất yếu, vượt lên trên sự lựa chọn của con người [3]. Khi được lồng ghép vào diễn ngôn chính trị, tôn giáo có khả năng chuyển hóa các mục tiêu trần thế thành nghĩa vụ đạo đức, từ đó làm suy yếu khả năng phản biện và thách thức xã hội.

Trong nhà nước hiện đại, diễn ngôn tôn giáo thường không tồn tại độc lập mà gắn chặt với các thiết chế quyền lực. Talal Asad nhấn mạnh rằng tôn giáo không thể tách rời khỏi các điều kiện lịch sử và chính trị cụ thể, nơi nó được định hình, diễn giải và sử dụng như một công cụ quản trị xã hội [1]. Theo cách nhìn này, diễn ngôn tôn giáo không chỉ phản ánh niềm tin, mà còn tham gia trực tiếp vào việc phân định ranh giới giữa

“chính thống” và “phi chính thống”, giữa “trung tâm” và “ngoại biên” trong đời sống xã hội.

Tại các quốc gia nơi một tôn giáo giữ vị thế ưu trội, diễn ngôn tôn giáo thường được nâng lên thành diễn ngôn quốc gia, qua đó xác lập mối liên hệ chặt chẽ giữa bản sắc tôn giáo và bản sắc dân tộc. Rogers Brubaker cho rằng sự kết hợp giữa tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc tạo ra một hình thức quyền lực biểu tượng mạnh mẽ, có khả năng huy động sự đồng thuận xã hội và biện minh cho các chính sách loại trừ trong không gian công cộng [4]. Trong trường hợp này, diễn ngôn tôn giáo không chỉ điều chỉnh đời sống tinh thần, mà còn định hướng cách nhà nước quản lý sự đa dạng và khác biệt.

Như vậy, việc tiếp cận tôn giáo dưới góc độ diễn ngôn quyền lực cho phép nhận diện những cơ chế tinh vi mà thông qua đó tôn giáo tham gia vào quá trình kiến tạo trật tự xã hội. Thay vì xem tôn giáo thuần túy như lĩnh vực đức tin cá nhân, cách tiếp cận này nhấn mạnh vai trò của diễn ngôn tôn giáo trong việc hợp thức hóa quyền lực, định hình chuẩn mực xã hội và giới hạn đa nguyên tôn giáo. Đây chính là nền tảng lý luận quan trọng để phân tích sự hình thành và vận hành của diễn ngôn Phật giáo - quốc gia trong bối cảnh Thái Lan.

3.1.3. *Sự đan xen giữa Phật giáo, chủ nghĩa dân tộc và nhà nước Thái Lan*

Trong tiến trình hình thành và phát triển của nhà nước Thái Lan hiện đại, Phật giáo Theravāda không chỉ giữ vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội mà còn được tích hợp sâu sắc vào cấu trúc quyền lực và diễn ngôn quốc gia [9]. Sự đan xen này hình thành một mô hình đặc thù, trong đó Phật giáo, chủ nghĩa dân tộc và nhà nước không tồn tại như các lĩnh vực tách biệt, mà liên tục tương tác, củng cố và tái sản xuất lẫn nhau trong đời sống chính trị - xã hội. Phật giáo được định vị như cốt lõi của bản sắc Thái, trong khi lòng trung thành với quốc gia và hoàng gia được gắn kết chặt chẽ với việc bảo vệ và duy trì Phật pháp như một nghĩa vụ đạo đức tập thể.

Từ cuối thế kỷ XIX, đặc biệt trong bối cảnh cải cách hành chính và hiện đại hóa nhằm đối phó với sức ép thực dân, nhà nước Thái Lan đã chủ động huy động Phật giáo như một nguồn lực biểu tượng để củng cố tính chính danh và thống nhất quốc gia. Việc chuẩn hóa tăng đoàn, ban hành luật tăng đoàn và đặt Phật giáo dưới sự bảo trợ của hoàng gia đã góp phần chuyển hóa tôn giáo này thành một trụ cột của trật tự quốc gia mới. Trong quá trình đó, Phật giáo không chỉ được bảo vệ mà còn được tái cấu trúc để phù hợp với mục tiêu xây dựng nhà nước tập quyền và bản sắc dân tộc thống nhất.

Sự gắn kết giữa Phật giáo và chủ nghĩa dân tộc ở Thái Lan còn thể hiện qua việc Phật giáo được nâng lên thành một chuẩn mực đạo đức chung cho cộng đồng quốc gia. Các giá trị như trật tự, hòa hợp và tôn trọng trật tự xã hội và thẩm quyền hợp pháp được diễn giải như những phẩm chất vừa mang tính tôn giáo vừa mang tính công dân, qua đó làm mờ ranh giới giữa đức tin và nghĩa vụ chính trị [7]. Trong không gian diễn ngôn này, bảo vệ Phật giáo đồng nghĩa với bảo vệ quốc gia, còn những thách thức đối với trật tự tôn giáo dễ bị diễn giải như mối đe dọa đối với an ninh và bản sắc dân tộc.

Ở cấp độ thể chế, sự đan xen giữa Phật giáo và nhà nước được duy trì thông qua các cơ chế pháp lý và hành chính, trong đó Phật giáo giữ vị thế ưu trội so với các tôn giáo khác. Mặc dù Thái Lan công nhận tự do tín ngưỡng, Phật giáo trên thực tế thường được xem là tôn giáo trung tâm của quốc gia, đóng vai trò chuẩn mực trong đời sống công cộng và giáo dục đạo đức xã hội [10]. Cách tiếp cận này góp phần củng cố sự đồng nhất quốc gia, nhưng đồng thời cũng tạo ra những bất đối xứng trong việc tiếp cận nguồn lực và không gian biểu đạt của các cộng đồng tôn giáo thiểu số.

Nhìn tổng thể, sự đan xen giữa Phật giáo, chủ nghĩa dân tộc và nhà nước đã tạo nên một mô hình quản trị tôn giáo đặc thù ở Thái Lan, trong đó Phật giáo vừa là biểu tượng văn hóa, vừa là

công cụ chính trị - xã hội. Mô hình này giúp lý giải vì sao Phật giáo có thể duy trì vai trò trung tâm trong đời sống quốc gia, đồng thời cũng đặt nền tảng cho những giới hạn của đa nguyên tôn giáo trong bối cảnh Thái Lan đương đại.

3.2. Diễn ngôn Phật giáo - quốc gia trong vận hành quyền lực và quản trị xã hội

3.2.1. Các chủ thể kiến tạo và tái sản xuất diễn ngôn trong hệ thống quyền lực

Diễn ngôn Phật giáo-quốc gia ở Thái Lan không phải là sản phẩm của một chủ thể đơn lẻ, mà được kiến tạo và tái sản xuất thông qua sự tương tác phức tạp giữa nhiều trung tâm quyền lực trong hệ thống chính trị - xã hội. Trong cấu trúc này, nhà nước, hoàng gia, tăng đoàn và các thiết chế trung gian như giáo dục và truyền thông cùng tham gia vào việc định hình nội dung, phạm vi và tính chính danh của diễn ngôn. Chính sự đan xen giữa các chủ thể này đã tạo nên tính bền vững và khả năng thích ứng cao của diễn ngôn Phật giáo - quốc gia trong các bối cảnh lịch sử khác nhau.

Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc thể chế hóa diễn ngôn thông qua khung pháp lý và chính sách công. Thông qua các đạo luật liên quan đến tăng đoàn, giáo dục đạo đức và quản lý tôn giáo, nhà nước không chỉ bảo trợ Phật giáo mà còn xác lập vị thế ưu trội của tôn giáo này trong đời sống công cộng [14]. Cách thức quản trị đó góp phần chuyển hóa Phật giáo thành một nguồn lực chuẩn tắc phục vụ cho mục tiêu ổn định chính trị và trật tự xã hội, đồng thời tạo ra các chuẩn mực về lòng trung thành và đạo đức công dân gắn với bản sắc quốc gia.

Hoàng gia là một chủ thể đặc biệt quan trọng trong việc trao cho diễn ngôn Phật giáo - quốc gia chiều kích thiêng liêng và tính liên tục lịch sử. Thông qua các nghi lễ, biểu tượng và diễn ngôn công cộng, mối liên hệ giữa Phật giáo và vương quyền được tái khẳng định như một nền tảng đạo đức của quốc gia. Vai trò này không chỉ củng cố vị thế biểu tượng của hoàng gia, mà còn

giúp diễn ngôn Phật giáo-quốc gia vượt lên trên tranh chấp chính trị thông thường, trở thành một khuôn khổ khó bị thách thức trong không gian công cộng.

Tăng đoàn, với tư cách là chủ thể tôn giáo chính thống, tham gia tích cực vào việc tái sản xuất diễn ngôn thông qua giáo dục Phật học, thuyết giảng và các hoạt động xã hội. Trong khuôn khổ quản lý tập trung, giới tăng sĩ cấp cao thường đóng vai trò trung gian giữa nhà nước và xã hội, góp phần diễn giải Phật giáo theo hướng phù hợp với các ưu tiên chính trị và đạo đức của quốc gia. Điều này tạo ra một dạng quyền lực đạo đức, trong đó diễn ngôn Phật giáo được sử dụng để định hướng hành vi xã hội và củng cố trật tự hiện hữu.

Bên cạnh các chủ thể chính thức, truyền thông đại chúng và hệ thống giáo dục cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến và bình thường hóa diễn ngôn Phật giáo - quốc gia. Thông qua sách giáo khoa, chương trình giảng dạy và các sản phẩm truyền thông, Phật giáo được trình bày như nền tảng tự nhiên của bản sắc Thái, trong khi các quan điểm khác biệt ít được phản ánh đầy đủ [6]. Quá trình này góp phần tái sản xuất diễn ngôn ở cấp độ đời sống thường nhật, khiến nó trở thành một phần của tri thức phổ thông và khó bị chất vấn.

Nhìn chung, diễn ngôn Phật giáo – quốc gia được duy trì thông qua sự phối hợp giữa các chủ thể chính trị, tôn giáo và tri thức, cùng với các thiết chế và thực hành xã hội liên quan. Cấu trúc này giúp diễn ngôn được củng cố không chỉ thông qua các cơ chế pháp lý và hành chính mà còn thông qua giáo dục, biểu tượng và các thực hành xã hội, qua đó góp phần định hình cách thức quản trị tôn giáo và vị thế của các tôn giáo khác trong đời sống công cộng ở Thái Lan.

3.2.2. Thể chế hóa diễn ngôn qua luật pháp, giáo dục và truyền thông

Quá trình đưa Phật giáo vào các thiết chế nhà nước ở Thái Lan không diễn ra thông qua một

tuyên bố chính thức về quốc giáo, mà thể hiện qua việc Phật giáo được lồng ghép vào các lĩnh vực pháp lý, giáo dục và đời sống công cộng. Đặc biệt, các đạo luật liên quan đến tổ chức và quản lý Tăng đoàn đã xác lập cơ chế quản trị đối với thiết chế Phật giáo, đồng thời thể hiện sự gắn kết giữa Phật giáo và cấu trúc nhà nước [11]. Bên cạnh đó, giáo dục Phật học, các biểu tượng tôn giáo và hoạt động truyền thông chính thống góp phần duy trì vị trí nổi bật của Phật giáo trong đời sống xã hội. Những thực hành thể chế này cho thấy Phật giáo không chỉ tồn tại với tư cách một truyền thống tôn giáo mà còn giữ vị trí đáng kể trong cấu trúc biểu tượng và đời sống công cộng của quốc gia. Tuy nhiên, sự hiện diện thể chế của Phật giáo không đồng nhất với việc nhà nước chính thức xác lập Phật giáo là quốc giáo; do đó, cần xem xét quá trình này trong mối quan hệ giữa pháp luật, quyền lực nhà nước, thiết chế tôn giáo và diễn ngôn về bản sắc quốc gia.

Trong lĩnh vực giáo dục, diễn ngôn Phật giáo - quốc gia được nội tại hóa thông qua chương trình giảng dạy đạo đức, lịch sử và công dân. Phật giáo thường được trình bày như nền tảng văn hóa - đạo đức cốt lõi của xã hội Thái, trong khi các tôn giáo khác chủ yếu xuất hiện với vai trò bổ trợ. Cách tiếp cận này góp phần hình thành một hiểu biết phổ quát về bản sắc Thái gắn liền với Phật giáo, khiến diễn ngôn Phật giáo - quốc gia trở thành tri thức mặc định được tiếp nhận từ sớm [16]. Giáo dục, vì thế, không chỉ truyền tải kiến thức mà còn tham gia trực tiếp vào việc tái sản xuất các cấu trúc quyền lực biểu tượng.

Truyền thông đại chúng và truyền thông nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc bình thường hóa và lan tỏa diễn ngôn Phật giáo - quốc gia trong không gian công cộng. Thông qua các nghi lễ quốc gia được truyền hình trực tiếp, các chương trình văn hóa và tin tức chính thống, Phật giáo được gắn kết với các biểu tượng của quốc gia, hoàng gia và trật tự xã hội. Sự lặp lại thường xuyên của các hình ảnh và thông điệp này tạo ra một môi trường diễn ngôn trong đó

Phật giáo được nhìn nhận như yếu tố tự nhiên và không thể tách rời của đời sống quốc gia.

Điểm đáng chú ý của quá trình thể chế hóa này là tính mềm dẻo nhưng bền vững. Thay vì áp đặt trực tiếp, diễn ngôn Phật giáo - quốc gia thâm thấu vào đời sống xã hội thông qua các thiết chế có tính hợp pháp cao, khiến việc chất vấn hay thách thức trở nên khó khăn. Trong bối cảnh các giai đoạn khủng hoảng chính trị, sự hiện diện mạnh mẽ của diễn ngôn này trong luật pháp, giáo dục và truyền thông cho phép nhà nước huy động Phật giáo như một nguồn lực biểu tượng nhằm củng cố tính chính danh và duy trì ổn định xã hội.

Như vậy, luật pháp, giáo dục và truyền thông không chỉ là các kênh truyền tải trung tính, mà là những không gian quyền lực nơi diễn ngôn Phật giáo - quốc gia được thể chế hóa và tái sản xuất liên tục. Chính cơ chế này đã góp phần duy trì vị thế trung tâm của Phật giáo trong đời sống quốc gia, đồng thời đặt ra những giới hạn cấu trúc đối với đa nguyên tôn giáo ở Thái Lan đương đại.

3.2.3. Diễn ngôn Phật giáo - quốc gia và vấn đề tính chính danh chính trị

Trong bối cảnh chính trị Thái Lan, diễn ngôn Phật giáo - quốc gia đóng vai trò then chốt trong việc kiến tạo và duy trì tính chính danh của quyền lực nhà nước. Thay vì dựa hoàn toàn vào các cơ chế dân chủ hay hiệu quả quản trị, tính chính danh chính trị thường được củng cố thông qua các nguồn lực biểu tượng và đạo đức, trong đó Phật giáo được đặt ở vị trí trung tâm. Sự gắn kết giữa Phật giáo và quốc gia cho phép quyền lực chính trị được bao bọc trong một khung chuẩn tắc mang tính thiêng liêng, qua đó giảm thiểu nhu cầu phải liên tục biện minh bằng các cơ chế chính trị hiện đại.

Diễn ngôn Phật giáo - quốc gia vận hành như một hình thức “chính danh đạo đức”, trong đó trật tự chính trị được trình bày như sự phản ánh của trật tự luân lý. Nhà nước, khi tự đặt mình vào

vai trò người bảo hộ Phật giáo, đồng thời tự định vị như chủ thể duy trì đạo đức xã hội và ổn định quốc gia [12]. Cách thức này cho phép quyền lực chính trị vượt lên trên các tranh luận chính sách cụ thể, bởi mọi thách thức đối với nhà nước có thể bị diễn giải như sự đe dọa đối với các giá trị cốt lõi của quốc gia.

Trong các giai đoạn khủng hoảng chính trị, mối liên hệ giữa Phật giáo, vương quyền và trật tự quốc gia ở Thái Lan có xu hướng trở nên nổi bật hơn. Khủng hoảng chính trị tháng 5 năm 1992 (Black May) là một trường hợp tiêu biểu. Trong bối cảnh xung đột giữa chính quyền quân sự và phong trào đòi dân chủ dẫn đến biểu tình và bạo lực tại Bangkok, Nhà vua Bhumibol Adulyadej đã can thiệp thông qua một thông điệp nhấn mạnh việc chấm dứt đối đầu và khôi phục hòa bình xã hội. Trong không gian chính trị - xã hội chịu ảnh hưởng sâu sắc của các giá trị Phật giáo, thông điệp về hòa hợp, tiết chế và trách nhiệm đạo đức góp phần tạo cơ sở biểu tượng cho việc giải quyết xung đột và khôi phục trật tự. Trường hợp này cho thấy Phật giáo và các giá trị đạo đức gắn với Phật giáo có thể được huy động như một nguồn lực biểu tượng trong quá trình xử lý khủng hoảng chính trị. Tuy nhiên, cần phân biệt vai trò của Phật giáo với vai trò của vương quyền, bởi sự can thiệp của nhà vua trong năm 1992 là một cơ chế chính trị - biểu tượng riêng, không thể giản lược hoàn toàn thành sự vận hành của diễn ngôn Phật giáo - quốc gia.

Tuy nhiên, chính cơ chế tạo lập tính chính danh này cũng hàm chứa những giới hạn cấu trúc. Khi Phật giáo được đồng nhất với quốc gia và quyền lực nhà nước, không gian cho sự đa dạng tôn giáo và bất đồng chính trị bị thu hẹp [5]. Những quan điểm chỉ trích nhà nước hoặc đề xuất mô hình quản trị khác dễ bị gán nhãn là đi ngược lại lợi ích quốc gia hoặc làm suy yếu nền tảng đạo đức xã hội. Điều này cho thấy diễn ngôn Phật giáo - quốc gia không chỉ tạo ra tính chính danh, mà còn thiết lập các ranh giới diễn ngôn nhằm kiểm soát tính hợp lệ của sự phản biện.

Có thể thấy, diễn ngôn Phật giáo - quốc gia đã trở thành một trụ cột quan trọng của tính chính danh chính trị ở Thái Lan, đặc biệt trong những giai đoạn mà các cơ chế chính danh thế tục gặp khủng hoảng. Bằng cách kết nối quyền lực chính trị với trật tự đạo đức và biểu tượng tôn giáo, diễn ngôn này góp phần duy trì ổn định xã hội, đồng thời đặt ra những thách thức lâu dài đối với quá trình dân chủ hóa và mở rộng không gian đa nguyên chính trị - tôn giáo.

3.3. Giới hạn của đa nguyên tôn giáo trong không gian Phật giáo - quốc gia

3.3.1. Đa nguyên tôn giáo giữa cam kết hiến định và thực hành xã hội

Về mặt pháp lý, Thái Lan khẳng định quyền tự do tín ngưỡng như một quyền cơ bản của công dân và tránh việc chính thức tuyên bố Phật giáo là quốc giáo. Những quy định này cho thấy nỗ lực tiếp cận các chuẩn mực hiện đại về đa nguyên tôn giáo và quyền con người [2]. Tuy nhiên, trong thực tế xã hội, các nguyên tắc hiến định đó không hoàn toàn chuyển hóa thành sự bình đẳng tôn giáo trong đời sống công cộng. Trong bối cảnh xã hội Thái Lan, Phật giáo không chỉ là tôn giáo của đa số đa số người dân Thái Lan mà còn được xem như nền tảng đạo đức và văn hóa của quốc gia. Phật giáo thường xuyên xuất hiện trong các nghi lễ nhà nước, giáo dục đạo đức và các biểu tượng công cộng, từ đó gắn chặt với khái niệm bản sắc dân tộc. Điều này khiến ranh giới giữa “thuộc về quốc gia” và “chia sẻ các giá trị Phật giáo” trở nên khó phân tách, làm cho các tôn giáo khác dù được thừa nhận về mặt pháp lý vẫn khó đạt được vị thế ngang bằng trong không gian chung.

Sự khác biệt giữa cam kết hiến định và thực hành xã hội còn thể hiện rõ trong cách nhà nước quản lý tôn giáo. Mặc dù nhà nước Thái Lan không chính thức tuyên bố Phật giáo là quốc giáo, Phật giáo vẫn nhận được sự bảo trợ và được thể chế hóa ở mức độ đáng kể thông qua hệ thống quản lý Tăng đoàn, giáo dục Phật giáo và các

chính sách hỗ trợ của nhà nước. Trong khi đó, vị trí pháp lý và khả năng tham gia đời sống công cộng của các cộng đồng tôn giáo khác được điều chỉnh trong những khuôn khổ thể chế khác nhau. Sự khác biệt này cho thấy mô hình đa nguyên tôn giáo ở Thái Lan không chỉ cần được xem xét trên phương diện sự tồn tại của nhiều tôn giáo, mà còn trên phương diện mức độ tiếp cận nguồn lực, sự công nhận của nhà nước và khả năng tham gia vào các thiết chế công cộng.

Ở cấp độ xã hội, các chuẩn mực văn hóa gắn với Phật giáo tiếp tục góp phần định hình cách thức cộng đồng nhìn nhận về bản sắc và sự thuộc về quốc gia. Trong một số bối cảnh, những quan điểm hoặc thực hành tôn giáo không phù hợp với khuôn khổ bản sắc Phật giáo – quốc gia có thể bị nhìn nhận như biểu hiện của sự khác biệt văn hóa – tôn giáo, từ đó tạo ra khoảng cách nhất định giữa các cộng đồng tôn giáo và diễn ngôn chủ đạo về bản sắc quốc gia [8]. Do đó, đa nguyên tôn giáo ở Thái Lan cần được xem xét không chỉ trên phương diện sự tồn tại của nhiều truyền thống tôn giáo, mà còn ở mức độ các cộng đồng khác nhau có thể tham gia bình đẳng vào đời sống công cộng mà không phải từ bỏ bản sắc tôn giáo của mình.

Tóm lại, khoảng cách giữa cam kết hiến định và thực hành xã hội cho thấy đa nguyên tôn giáo ở Thái Lan tuy được bảo đảm trên văn bản pháp luật nhưng vẫn bị giới hạn bởi các cấu trúc quyền lực và văn hóa. Phật giáo, với vị thế trung tâm của mình, tiếp tục đóng vai trò quyết định trong việc định hình không gian tôn giáo và bản sắc quốc gia.

3.3.2. Phật giáo như chuẩn mực mặc định và sự ngoại biên hóa các tôn giáo khác

Trong không gian Phật giáo - quốc gia ở Thái Lan, Phật giáo dần được nhìn nhận không chỉ như một tôn giáo của đa số dân cư mà còn như một chuẩn mực chung để xác định đâu là đạo đức đúng đắn, hành vi xã hội phù hợp và trật tự quốc gia ổn định. Quá trình này không diễn ra thông

qua việc tuyên bố Phật giáo là quốc giáo, mà thông qua sự lặp lại lâu dài của các diễn ngôn, biểu tượng và thực hành xã hội gắn Phật giáo với bản sắc dân tộc và lợi ích chung. Khi Phật giáo được xem là nền tảng “tự nhiên” của xã hội, các giá trị của nó dần mang dáng dấp phổ quát, trung tính và hiển nhiên, trong khi các tôn giáo khác bị đặt vào vị thế đặc thù, phụ trợ hoặc ngoại lệ. Chính sự mặc định hóa này khiến Phật giáo vượt ra khỏi khuôn khổ của một truyền thống tôn giáo cụ thể để trở thành thước đo ngầm cho đời sống đạo đức và xã hội.

Việc Phật giáo giữ vai trò chuẩn mực mặc định tạo ra những hệ quả trực tiếp đối với các cộng đồng tôn giáo khác. Trên thực tế, các tôn giáo thiểu số vẫn được thừa nhận về mặt pháp lý và có quyền tồn tại trong xã hội, nhưng sự hiện diện của họ thường bị giới hạn trong phạm vi không làm xáo trộn trật tự Phật giáo - quốc gia. Những thực hành tôn giáo khác biệt chỉ được chấp nhận khi có thể được diễn giải là hài hòa với các giá trị đạo đức phổ biến vốn mang màu sắc Phật giáo. Điều này dẫn đến một hình thức ngoại biên hóa mềm, trong đó các tôn giáo khác không bị loại trừ công khai nhưng bị thu hẹp khả năng tham gia vào việc định hình chuẩn mực xã hội, diễn ngôn công cộng và biểu tượng quốc gia. Sự khác biệt tôn giáo, vì thế, dễ bị nhìn nhận như yếu tố ngoại vi, nhạy cảm hoặc tiềm ẩn nguy cơ gây chia rẽ, thay vì được xem là một thành tố bình đẳng của đời sống xã hội đa dạng.

Nhìn ở phương diện rộng hơn, việc Phật giáo được chuẩn hóa như nền tảng mặc định đã đặt ra những giới hạn căn bản đối với đa nguyên tôn giáo. Đa nguyên trong trường hợp này chủ yếu mang ý nghĩa cùng tồn tại có kiểm soát, chứ không phải sự bình đẳng thực chất giữa các hệ giá trị tôn giáo. Phật giáo giữ vị trí trung tâm, còn các tôn giáo khác tồn tại ở vùng ngoại vi với không gian hành động và tiếng nói bị giới hạn. Cấu trúc này vừa giúp duy trì sự ổn định xã hội theo logic quản trị của nhà nước, vừa làm suy giảm khả năng

thương lượng bình đẳng của các cộng đồng tôn giáo thiểu số trong việc định hình đời sống công cộng. Do đó, sự ngoại biên hóa không chỉ là vấn đề thái độ xã hội hay định kiến văn hóa, mà là kết quả của một trật tự diễn ngôn trong đó Phật giáo được tự nhiên hóa như cốt lõi của quốc gia. Về lâu dài, cơ chế này củng cố vai trò chính trị và biểu tượng của Phật giáo, đồng thời khiến không gian đa nguyên tôn giáo ở Thái Lan mang tính giới hạn, có điều kiện và phụ thuộc chặt chẽ vào khuôn khổ Phật giáo - quốc gia.

3.3.3. Hệ quả chính trị - xã hội và những thách thức đối với quản trị tôn giáo

Việc Phật giáo được đặt ở vị thế trung tâm trong không gian quốc gia đã tạo ra những hệ quả chính trị - xã hội sâu rộng đối với cấu trúc quyền lực và mô hình quản trị tôn giáo ở Thái Lan. Trước hết, diễn ngôn Phật giáo-quốc gia góp phần củng cố tính chính danh của nhà nước bằng cách gắn trật tự chính trị với trật tự đạo đức. Khi Phật giáo được trình bày như nền tảng luân lý của xã hội, quyền lực nhà nước có thể tự định vị như người bảo hộ các giá trị đạo đức phổ quát, qua đó giảm bớt sự phụ thuộc vào các cơ chế chính danh thuần túy thế tục như cạnh tranh chính trị hay hiệu quả quản trị. Tuy nhiên, chính cơ chế này cũng khiến ranh giới giữa quản trị chính trị và quản trị tôn giáo trở nên mờ nhạt.

Một hệ quả quan trọng khác là sự hình thành cấu trúc bất đối xứng trong quan hệ giữa các cộng đồng tôn giáo. Dù các tôn giáo được thừa nhận về mặt pháp lý, Phật giáo vẫn giữ vị thế ưu trội trong tiếp cận nguồn lực, không gian biểu tượng và diễn ngôn công cộng. Điều này tạo ra một dạng đa nguyên có thứ bậc, trong đó các tôn giáo thiểu số tồn tại trong khuôn khổ không thách thức vai trò trung tâm của Phật giáo. Về mặt xã hội, cấu trúc này góp phần duy trì sự ổn định và đồng thuận bề mặt, nhưng đồng thời làm suy yếu cảm nhận về bình đẳng công dân của các nhóm tôn giáo ngoài Phật giáo.

Ở cấp độ chính trị, việc sử dụng Phật giáo như một nguồn lực biểu tượng có thể làm gia tăng sự gắn kết giữa bản sắc tôn giáo và bản sắc quốc gia, đồng thời tạo điều kiện cho quá trình chính trị hóa tôn giáo. Điều này thể hiện tương đối rõ trong bối cảnh xung đột ở miền Nam Thái Lan, nơi phần lớn dân cư tại một số tỉnh biên giới là người Malay theo Hồi giáo. Trong quá trình xây dựng và duy trì trật tự quốc gia, việc nhấn mạnh mối liên hệ giữa dân tộc Thái, Phật giáo và chế độ quân chủ đôi khi tạo ra sự tương phản với bản sắc Hồi giáo – Malay của cộng đồng địa phương. Khi những khác biệt về tôn giáo và văn hóa được đặt trong khuôn khổ an ninh và thống nhất quốc gia, các yêu cầu về bản sắc, quyền tự trị văn hóa và bất đồng chính trị có thể bị nhìn nhận chủ yếu từ góc độ duy trì trật tự nhà nước. Trường hợp này cho thấy diễn ngôn Phật giáo – quốc gia không chỉ có chức năng củng cố sự cố kết xã hội mà, trong những điều kiện nhất định, còn có thể góp phần tạo ra ranh giới biểu tượng giữa nhóm được xem là thuộc về cộng đồng quốc gia và những nhóm có bản sắc tôn giáo – văn hóa khác biệt.

Những hệ quả trên đặt ra các thách thức đáng kể cho quản trị tôn giáo trong bối cảnh xã hội ngày càng đa dạng. Một mặt, nhà nước phải duy trì vai trò bảo trợ Phật giáo như một trụ cột biểu tượng của quốc gia để đảm bảo ổn định xã hội. Mặt khác, việc ưu ái quá mức cho một tôn giáo lại mâu thuẫn với các cam kết hiến định về tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo. Sự không cân bằng này khiến quản trị tôn giáo rơi vào tình trạng lưỡng nan giữa trung lập pháp lý và thiên lệch thực tiễn.

Về lâu dài, mô hình quản trị dựa trên diễn ngôn Phật giáo-quốc gia còn đối mặt với thách thức thích ứng trước những biến đổi xã hội như toàn cầu hóa, di cư và sự gia tăng ý thức quyền của các nhóm thiểu số. Khi các cộng đồng tôn giáo ngày càng đòi hỏi sự công nhận bình đẳng và tiếng nói chính trị rõ ràng hơn, việc duy trì một trật tự tôn giáo có thứ bậc có thể làm gia

tăng khác biệt xã hội và làm suy yếu tính bao trùm của nhà nước [12]. Điều này cho thấy nhu cầu tái cân bằng giữa vai trò lịch sử của Phật giáo và yêu cầu quản trị đa nguyên trong một xã hội hiện đại.

Nhìn chung, diễn ngôn Phật giáo – quốc gia vừa tạo ra nguồn lực quan trọng cho ổn định chính trị và tính chính danh của nhà nước, vừa kéo theo những hệ quả xã hội phức tạp và thách thức dài hạn đối với quản trị tôn giáo. Bài toán đặt ra cho Thái Lan không chỉ là duy trì vai trò biểu tượng của Phật giáo, mà còn là mở rộng không gian bình đẳng và bao trùm hơn cho các cộng đồng tôn giáo khác trong khuôn khổ quản trị hiện đại.

Kết luận

Qua việc xem xét toàn diện diễn ngôn “Phật giáo vì quốc gia”, có thể nhận thấy rằng Phật giáo ở Thái Lan không chỉ hiện diện như một hệ thống tín ngưỡng hay truyền thống văn hóa, mà còn được tích hợp sâu sắc vào cấu trúc quyền lực và quản trị xã hội. Trong tiến trình lịch sử Thái Lan, Phật giáo dần được kiến tạo như nền tảng đạo đức chung của quốc gia, gắn liền với bản sắc dân tộc, trật tự xã hội và tính chính danh của quyền lực chính trị. Nhờ đó, nhà nước có thể huy động Phật giáo như một nguồn lực biểu tượng nhằm củng cố sự ổn định và tạo dựng đồng thuận xã hội, đặc biệt trong những giai đoạn biến động chính trị. Việc Phật giáo được chuẩn hóa như một khuôn khổ luân lý phổ quát đã khiến các giá trị tôn giáo này được cảm nhận như hiển nhiên và tự nhiên, vượt ra ngoài phạm vi của một tôn giáo đa số để trở thành chuẩn mực chung trong không gian công cộng.

Tuy nhiên, chính quá trình trung tâm hóa Phật giáo này cũng làm lộ rõ những giới hạn mang tính cấu trúc của đa nguyên tôn giáo ở Thái Lan. Mặc dù tự do tín ngưỡng được khẳng định trên phương diện hiến định, thực hành xã hội và quản trị tôn giáo lại vận hành trong khuôn khổ Phật giáo – quốc gia, nơi Phật giáo giữ vị thế ưu trội

về biểu tượng, nguồn lực và tiếng nói công cộng. Các tôn giáo khác, dù không bị loại trừ một cách công khai, thường tồn tại trong vị thế ngoại vi và phải thích nghi với các chuẩn mực do Phật giáo định hình để duy trì sự chấp nhận xã hội. Điều này tạo ra một dạng đa nguyên mang tính hình thức, trong đó sự đa dạng được thừa nhận nhưng không đi kèm với sự bình đẳng thực chất giữa các hệ giá trị tôn giáo.

Trong không gian như vậy, diễn ngôn Phật giáo - quốc gia vận hành như một cơ chế quyền lực mềm, làm mờ ranh giới giữa trật tự đạo đức và trật tự chính trị. Khi các chuẩn mực Phật giáo được đồng nhất với lợi ích chung và ổn định xã hội, những quan điểm hoặc thực hành tôn giáo khác biệt dễ bị diễn giải như yếu tố gây xáo trộn hoặc thách thức trật tự. Hệ quả là không gian phản biện và thương lượng về các vấn đề liên quan đến tôn giáo và bản sắc bị thu hẹp, trong khi quyền lực chính trị được bao bọc bởi lớp chính danh đạo đức khó bị chất vấn. Cơ chế này vừa giúp duy trì trật tự xã hội trong ngắn hạn, vừa tiềm ẩn nguy cơ làm sâu sắc thêm cảm nhận bất bình đẳng và khoảng cách giữa các cộng đồng tôn giáo trong dài hạn.

Trong bối cảnh xã hội Thái Lan ngày càng đa dạng do tác động của toàn cầu hóa, di cư và sự gia tăng ý thức về quyền, mô hình quản trị tôn giáo dựa trên trật tự Phật giáo - quốc gia đang đứng trước những thách thức mới. Nhu cầu về sự công nhận bình đẳng, không gian biểu đạt và tham gia xã hội của các cộng đồng tôn giáo thiểu số ngày càng trở nên rõ nét, trong khi việc duy trì một cấu trúc tôn giáo có thứ bậc có thể làm gia tăng căng thẳng xã hội và làm suy yếu tính bao trùm của nhà nước. Điều này cho thấy, bài toán đặt ra không chỉ là bảo tồn vai trò lịch sử và văn hóa của Phật giáo, mà còn là tìm kiếm những cách thức quản trị linh hoạt hơn, cho phép dung hòa giữa truyền thống, ổn định chính trị và yêu cầu đa nguyên trong một xã hội hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- [1] Asad, T. (2003). *Formations of the secular: Christianity, Islam, modernity*. Stanford, CA: Stanford University Press.
- [2] Baker, C., & Phongpaichit, P. (2014). *A history of Thailand (3rd ed.)*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [3] Berger, P.L. (1967). *The sacred canopy: Elements of a sociological theory of religion*. Garden City, NY: Anchor Books.
- [4] Brubaker, R. (2012). "Religion and nationalism: Four approaches". *Nations and Nationalism* (18), 2–20.
- [5] Foucault, M. (1980). *Power/knowledge: Selected interviews and other writings 1972–1977*. New York, NY: Pantheon Books.
- [6] Hewison, K. (2014). "Considerations on inequality and politics in Thailand". *Democratization* (21), 846–866.
- [7] Jackson, P.A. (2009). *Markets, media, and popular culture in Thailand*. London: Routledge.
- [8] Jackson, P.A. (2009). *Royal spirits, Chinese gods, and magic monks: Thailand's boom-time religions of prosperity*. Chiang Mai: Silkworm Books.
- [9] Keyes, C.F. (1971). "Buddhism and nationalism in Thailand". *Journal of Asian Studies* (30), 551–567.
- [10] McCargo, D. (2004). "Buddhism, democracy and identity in Thailand". *Democratization* (11), 147–164.
- [11] Mériau, E. (2016). "Thailand's deep state, royal power and the constitutional court (1997–2015)". *Journal of Contemporary Asia* (46), 445–466.
- [12] Pye, L.W. (1985). *Asian power and politics: The cultural dimensions of authority*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
- [13] Scott, J.C. (1990). *Domination and the arts of resistance: Hidden transcripts*. New Haven, CT: Yale University Press.
- [14] Streckfuss, D. (2011). *Truth on trial in Thailand: Defamation, treason, and lèse-majesté*. London: Routledge.
- [15] Tambiah, S.J. (1976). *World conqueror and world renouncer: A study of Buddhism and polity in Thailand against a historical background*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [16] Thongchai Winichakul. (1994). *Siam mapped: A history of the geo-body of a nation*. Honolulu: University of Hawai'i Press.